



Review Article

# Legitimacy of the Communist Party of Vietnam's Leadership Role in Developing Public Policies

Nguyen Huu Hoang\*

*Academy of Politics Region II, 99 Man Thien, Thu Duc, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Received 06 July 2020

Revised 03 November 2020; Accepted 25 February 2021

**Abstract:** The leadership role of the ruling political party in the state and society is an important issue in each political regime. In Vietnam, the Communist Party of Vietnam (CPV) takes a leadership role in the state and society (including the public policy that is seen as a product of the process of performing that role), which is both historical and constitutionalized. From the interdisciplinary approach of politics and public policy science, this article analyzes and discusses the legitimacy of the CPV's leadership role in the state's public policy system, which has rarely been discussed in the two above-named scientific areas. By analyzing the CPV's objectives, mission and nature, this article shows the legitimacy of the party's leadership role in the public policy system through 3 main aspects: (i) *History - political belief*; (ii) *Political-legal basis*; and (iii) *The capacity, prestige and morality of the Party and party members*. Therefrom, the article affirms that the Party's leading role in the public policy is inevitable, necessary, both principled and lofty, as well as a way to further strengthen the people and society's belief in the continuing of the Party's leadership mission in the current period.

**Keywords:** Public policy, Communist Party of Vietnam, legitimacy, leadership role.

\* Corresponding author.

Email address: [hoangnh@hcm2.edu.vn](mailto:hoangnh@hcm2.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4246>

# Góp phần bàn về tính chính đáng trong thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với chính sách công

Nguyễn Hữu Hoàng<sup>1,\*</sup>

Học viện Chính trị khu vực II, 99 đường Man Thiện, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận ngày 06 tháng 7 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 03 tháng 11 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 02 năm 2021

**Tóm tắt:** Vai trò lãnh đạo của đảng chính trị cầm quyền đối với nhà nước, xã hội là vấn đề hệ trọng ở mỗi chế độ chính trị. Đối với nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội (trong đó có chính sách công vốn được xem như sản phẩm của quá trình thực hiện vai trò ấy) vừa có tính lịch sử và hiến định. Từ cách tiếp cận liên ngành của chính trị học và khoa học chính sách công, bài viết phân tích, góp phần luận bàn về tính chính đáng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc thực hiện vai trò, sứ mệnh lãnh đạo hệ thống chính sách công ở nước, một chủ đề vốn ít được đề cập hoặc đề cập khá khái quát ở 2 lĩnh vực khoa học này. Với tư cách là sản phẩm của quá trình chính trị, phản ánh mục tiêu, sứ mệnh và bản chất, ... của Đảng, bài viết này đã cho thấy tính “chính đáng” trong thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng đối với chính sách công được thể hiện ở 3 phương diện chủ yếu: (i) *Lịch sử - niềm tin chính trị*, (ii) *Cơ sở chính trị - pháp lý và (iii) Căn cứ vào năng lực, uy tín, đạo đức của Đảng và đội ngũ đảng viên*. Từ đó, bài viết khẳng định, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với chính sách công là tất yếu, cần thiết, vừa có tính nguyên tắc, tính bền vững cao cả song cũng là phương thức tiếp tục củng cố niềm tin của Nhân dân và xã hội về tính chính đáng tiếp tục thực hiện sứ mệnh lãnh đạo này của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

*Từ khóa:* Chính sách công, Đảng Cộng sản Việt Nam, tính chính đáng, vai trò lãnh đạo.

## 1. Quan điểm về tính chính đáng trong chính trị

Từ thời cổ đại đến nay, “tính chính đáng chính trị” luôn có vị trí trung tâm trong các nghiên cứu của nhiều ngành khoa học liên chính trị. Điều đó chứng tỏ đây là một vấn đề phức tạp và có sức thu hút lớn trong giới nghiên cứu. Bài viết này dẫn nhập và phân tích “tính chính đáng chính trị” trên cơ sở tiếp cận đa ngành, nhưng ở một số khía cạnh chủ yếu như sau:

Thứ nhất, tính chính đáng chính trị dựa trên niềm tin, sự nhận thức một cách có thiện chí của

người dân về quyền lực chính trị thông qua sự bằng lòng hoặc ủng hộ của họ đối với một nhà nước hoặc tính ổn định và hợp pháp của một chế độ cai trị.

Theo Max Weber, một chế độ chính trị là chính đáng, có nghĩa là khi người dân tham gia vào chế độ này họ cảm thấy có niềm tin hay sự trung thành mang tính chắc chắn. Cơ sở của mọi hệ thống quyền lực, và tương ứng với nó là bất kỳ sự tự nguyện tuân thủ nào, là một niềm tin, một niềm tin bởi sự hấp dẫn của những người đang thực hiện quyền lực nhờ vào uy tín của họ.

\*Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: hoangnh@hcma2.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4246>

Cùng với cách hiểu này, nhà triết học chính trị người Đức - Dolf Sternberger - cho rằng: Tính chính đáng chính trị là sự thiết lập và thực thi quyền lực cai trị, trong đó về phía chủ thể quyền lực có ý thức là mình có quyền cai trị, còn về phía người dân là sự chấp nhận về sự cai trị đó.

Thứ hai, Seymour Martin Lipset, nhà xã hội học chính trị người Mỹ cho rằng tính chính đáng chính trị, liên quan đến năng lực của một hệ thống chính trị khiến người ta nảy sinh và giữ vững niềm tin rằng chế độ chính trị hiện tại là chế độ phù hợp và thích hợp nhất cho xã hội. Khái niệm này chỉ rõ cơ sở của sự thống trị là ở sự thừa nhận và ủng hộ của quần chúng nhân dân và rộng hơn không chỉ là đảng chính trị hay sản phẩm của nó - nhà nước. Đồng quan điểm này, nhà chính trị người Pháp Jean - Marc Coicaud cho rằng: Tính chính đáng tức là sự thừa nhận quyền lực thống trị. Xét từ góc độ này, nó giải quyết vấn đề cơ bản, mà cách giải quyết lại đồng thời chứng minh được quyền lực chính trị và tính phục tùng. Quan điểm này cho thấy, nếu các điều kiện cho tính chính đáng không được đáp ứng, các tổ chức quyền lực thực thi quyền lực không hợp lý thì các mệnh lệnh họ đưa ra sau đó không bắt buộc một nghĩa vụ nào phải tuân theo.

Trong chủ nghĩa tự do chính trị, một cách hiểu về tính chính đáng chính trị là cái gì đó trở nên chính đáng khi mọi người chấp nhận nó. Theo nghĩa này, một thể chế nào đó được coi là chính đáng nếu như có sự chấp nhận của mọi người rằng thể chế đó là đại diện cho mọi người, trong đó họ là chủ thể quyền lực của nó. Theo John Locke - nhà tư tưởng lớn người Anh, thì tính chính đáng có liên quan tới sự đồng ý, ưng thuận của người bị cai trị đối với chủ thể cai trị. Luận cứ được đưa ra trong chuyên luận thứ hai (second treaties) rằng: “Chính phủ được coi là không chính đáng nếu nó không được thực hiện dựa trên sự ưng thuận về sự cầm quyền” [1].

Ph. Ăng-ghen từng khẳng định: quyền lực làm người ta khó chịu. Nói cách khác, mọi sự khủng hoảng chính trị có thể coi là sự mất tin tưởng vào khả năng cầm quyền, không chấp nhận tính đại diện của nhà nước, hoặc tổng quát hơn là khủng hoảng về tính chính đáng chính trị.

Vì vậy, chủ thể của quyền lực luôn phải tìm cách để những người bị trị phải chấp nhận mình, nếu không chủ thể đó sẽ mất quyền cai trị. Có nghĩa là, chủ thể cai trị phải tìm được quá trình và phương thức thuyết phục của chính quyền với người dân bằng lý lẽ và lương tri, tức là thiết lập được tính chính đáng. Từ chỗ chấp nhận, người dân tự nhận thấy nghĩa vụ, bổn phận của mình phải ủng hộ và tuân thủ các mệnh lệnh mà nhà nước đưa ra trên tinh thần tự nguyện cao. Có thể nói, cơ chế của tính chính đáng chính trị là việc thiết lập sự chấp nhận quyền cai trị dựa trên lý trí và các thành quả đạt được trong quá trình cầm quyền.

Đối với hệ thống chính sách công (dù ở hình thức chính thể nào), nó vừa là sản phẩm - công cụ có bản chất chính trị sâu sắc, vừa là phương thức hiện thực hoá quyết sách chính trị nhưng đồng thời, kết quả vận hành của chính nó lại là minh chứng sống động về tính chính đáng chính trị của các chủ thể chính trị tạo ra và dẫn dắt nó. Vì vậy, luận bàn về tính chính đáng chính trị nói riêng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong mối quan hệ biện chứng với hệ thống chính sách công có những hạt nhân hợp lý nhất định, là cách tiếp cận mới, phức tạp dựa trên nền tảng chính trị học, khoa học chính sách công.

## **2. Tính chính đáng trong thực hiện vai trò lãnh đạo của đảng chính trị cầm quyền đối với chính sách công: Một vài bàn luận từ thực tiễn Việt Nam hiện nay**

Trong chừng mực nhất định, các đảng chính trị khi cầm quyền đều mong muốn dẫn dắt và chi phối hệ thống chính sách quốc gia. Điều này có thể được lý giải bởi: 1- Chính nơi ấy (chính sách công) đảm bảo hiện thực hoá mục tiêu và quyết sách chính trị; 2- Phản ánh trực quan, sinh động nhất tư duy, tầm nhìn và bản chất của mỗi đảng chính trị cầm quyền; 3- Thành quả (nói như Ăng-ghen) của hệ thống và các tiêu chí chính sách công luôn là cứ liệu phản ánh sống động, chân thực mối quan hệ đảng - nhà nước và nhân dân, song đồng thời cũng căn nguyên dây dưng niềm tin chính trị, sự thừa nhận tự nguyện vốn là hạt nhân

cấu thành tính chính đáng của các đảng chính trị cầm quyền nói riêng.

Trên cơ sở đó, từ góc độ nghiên cứu mối quan hệ giữa chính trị và chính sách công, phần này luận bàn tính chính đáng về vai trò lãnh đạo của đảng chính trị cầm quyền (nói chung) đối với chính sách công và của Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng qua một số nội dung sau:

**Một là**, tính chính đáng chính trị trong thực hiện vai trò lãnh đạo chính sách công của Đảng ta được biểu hiện ở mối quan hệ chính trị giữa các chủ thể lãnh đạo, quản lý và chủ thể được lãnh đạo, quản lý thông qua quá trình xây dựng và thực thi chính sách công. Trong chính sách công, mối quan hệ ấy biểu hiện ở cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, ở mối quan hệ giữa đảng chính trị, đảng chính trị cầm quyền, nhà nước và người dân xoay quanh việc giải quyết các vấn đề của chính sách công.

Điều mà các nhà nghiên cứu thực tiễn và cả giới khoa học đang quan tâm là vì sao Đảng ta cần phải thể hiện vai trò của mình trong việc lãnh đạo chính sách công mà không phải và không thể là chủ thể nào khác? Vì sao ở Việt Nam, chính sách công “không tồn tại độc lập mà nằm trong tổng thể hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước...”? [2]. Ở đây, căn cứ khẳng định tính chính đáng về vai trò lãnh đạo của Đảng ta đối với Nhà nước và xã hội nói chung và chính sách công với tư cách là biểu hiện trong mối quan hệ của các chủ thể này xuất phát từ: 1- *Căn cứ lịch sử - niềm tin và sự uỷ thác chính trị của Nhân dân*; 2- *Căn cứ chính trị và pháp lý*; 3 - *Căn cứ thực tiễn: năng lực, uy tín, đạo đức của Đảng và đội ngũ đảng viên*.

Lịch sử dân tộc từ khi có Đảng, đặc biệt, sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời năm 1945, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiều tổ chức, đảng phái chính trị khác đã xuất hiện như Đảng Dân chủ Việt Nam (1944 - 1988), Đảng Xã hội Việt Nam (1946 - 1988) [3], Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc), Việt Nam cách mạng đồng chí hội (Việt Cách) [4],... nhưng các đảng ấy đều không được đa số nhân dân giao cho sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng. Thực tiễn cách mạng đã chứng minh, hơn

90 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam chứ không phải đảng chính trị nào khác có thể đủ sức đảm đương và “là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam” [5]. Đồng thời, thực tiễn ấy cũng chứng minh sự ghi nhận, ủng hộ, tín nhiệm và tin cậy chính trị của nhân dân ta, dân tộc ta dành cho Đảng.

Cương lĩnh của Đảng (bổ sung, phát triển năm 2011) ghi rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc”. Mặc dù Hiến pháp năm 1946 không quy định, thể chế hoá về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, song vai trò của Đảng luôn thể hiện xuyên suốt trong Hiến pháp và thực tiễn cách mạng. Các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992, đặc biệt, Hiến pháp 2013 đã được những đại biểu do dân cử thể chế, thông qua khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”. Tất cả không chỉ nhằm vừa khẳng định địa vị pháp lý của Đảng trước Nhà nước, trước toàn dân đã gửi gắm mà còn phản ánh trọng trách và tính tiên phong, bản chất đại biểu và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng ta với Nhân dân, dân tộc.

Mối quan hệ giữa các chủ thể kể trên vốn xoay quanh và biểu hiện ở việc giải quyết các vấn đề của chính sách công. Khi thực tiễn nảy sinh các vấn đề công (vốn là những vấn đề liên quan đến quốc kế dân sinh) thì thái độ, sự phản ứng cũng như cách thức giải quyết hữu hiệu là cơ sở gây dựng, duy trì tính chính đáng trước nhân dân. Việc giải quyết các vấn đề công không phải là câu chuyện của riêng Đảng hay của Nhà nước mà đó là cách thức hành xử trong mối quan hệ giữa các chủ thể này với người dân và xã hội. Khi người dân (qua đại biểu Quốc hội) thừa nhận địa vị pháp lý của Đảng trong “đạo luật mẹ”, “đạo luật gốc” - Hiến pháp thì cách thức, hiệu quả Đảng dẫn dắt, đưa ra đường lối, chủ trương và quyết sách để Nhà nước thể chế hoá và giải quyết các vấn đề công bằng hệ thống chính sách công, thúc đẩy xã hội phát triển, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho nhân dân chính là

ơ sở quan trọng thứ hai cùng cố tính chính đáng trong thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng.

**Hai là**, trong quan hệ quyền lực, chủ thể quyền lực ngoài lợi ích của mình đồng thời phải đáp ứng được lợi ích của các nhóm xã hội khác (công đồng, xã hội). Mỗi đảng chính trị khi cầm quyền, bên cạnh việc chăm lo và tìm mọi cách để đạt được các mục tiêu và cam kết chính trị của mình thì còn cần phải đưa ra chính sách nhắm đến số đông, đảm bảo sự hài hòa, đáp ứng lợi ích căn bản, lâu dài cho các giai tầng, đảng phái khác trong xã hội.

Trong bất kỳ chế độ nào, từ khi có nhà nước thì động thái chính trị đều có liên quan mật thiết đến chính sách công và ngược lại [6]. Chính sách công suy cho cùng là công cụ, phương tiện để thực hiện mục tiêu, khát vọng và ý chí của đảng chính trị cầm quyền, phản ánh bản chất của đảng cầm quyền, tính ưu việt của chế độ và ở Việt Nam chính là của Đảng Cộng sản Việt Nam. Xét chính sách công ở góc độ chính trị chính là hình thức biểu hiện của quyền lực, mục tiêu và phân bổ lợi ích chính trị cho các nhóm, thành phần trong xã hội. Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó dưới góc độ khoa học chính sách thì chính sách công còn phản ánh bản chất của đảng chính trị và của nhà nước.

Từ khi được thành lập và cầm quyền lãnh đạo đất nước đến nay, sự nghiệp của Đảng chính là sự nghiệp cách mạng của toàn dân và dân tộc, sự ủng hộ và đồng thuận của nhân dân giúp Đảng đạt được quyền lực chính trị và trở thành đảng cầm quyền. Do vậy, nguyên tắc toàn bộ chính sách được xây dựng và thực thi dựa trên quan điểm, ý chí và đường lối của đảng chính trị cầm quyền nhằm phục vụ lợi ích của Đảng đó và nhân dân - những người ủng hộ Đảng này. Đây là vấn đề có quan hệ biện chứng, song cũng có tính nguyên tắc cao. Khát vọng của dân tộc luôn trở thành ý chí chính trị, mục tiêu chính trị, là động lực hành động thôi thúc trong toàn Đảng: *“Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác”*. *“Tất cả đường lối, phương châm, chính sách... của Đảng đều chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân...”* [7] hay Đại hội lần VI (12/1986) khi bàn về chính sách xã hội, Đảng ta khẳng định: *“Xem*

*nhẹ chính sách xã hội là xem nhẹ yếu tố con người”*, *“lấy con người là mục tiêu phục vụ cao nhất”*. Tại Hội nghị Trung ương 6 khoá XI, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh: *“chính sách xã hội phải được đặt ngang hàng với chính sách kinh tế,...”*. Trên cơ sở đó, Cương lĩnh của Đảng (bổ sung, phát triển) năm 2011 đã khẳng định: *“Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân”* [8]. So với Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp mới năm 2013 của nước ta đã bổ sung một nội dung mới rất quan trọng ở khoản 2 Điều 4. Đó là: *“Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”*. Điều này vừa thể hiện bản chất của Đảng Cộng sản chân chính, vừa là điều kiện cho sự lãnh đạo của Đảng, vừa thể hiện trách nhiệm của Đảng trước nhân dân cũng như trách nhiệm của Nhân dân đối với Đảng và việc xây dựng Đảng. Đảng muốn lãnh đạo được Nhân dân thì Đảng phải gắn bó mật thiết với nhân dân [9]. Trách nhiệm của Đảng trước nhân dân không phải là lời hứa suông, hô hào mang tính khẩu hiệu mà trở thành hành động chính trị, đó chính là biến cam kết, mục tiêu chính trị của Đảng với nhân dân vào trong từng chính sách công cụ thể để chúng trở thành hiện thực và nhân dân cảm nhận được tính *“ích nước lợi dân”*, được có *“com ăn, áo mặc, học hành”*,... một cách rõ nét nhất.

Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: *“Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”* [10]. Trước khi về với thế giới người hiền, trong bản thảo Di chúc viết tay năm 1968, Người đã đưa ra tuyên ngôn và chỉ dẫn mà sau này trở thành đặc trưng mang tính sứ mệnh của hệ thống chính sách xã hội quốc gia, thể hiện bản chất ưu việt, nhân văn, nhân đạo sâu sắc hệ thống chính sách công nói chung và chính sách xã hội nói riêng của chế độ ta. Người căn dặn cần *“đầu tiên là công việc đối với con người”*, phải chăm lo cho con người cụ thể từ người có công

với nước như cán bộ, chiến sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong, liệt sĩ,... cho đến đặc biệt những người được xem là nạn nhân của xã hội cũ như gái điếm, trộm cắp, cờ bạc, buôn lậu,... bằng cách “vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”...[11].

Trên cơ sở hệ thống quan điểm, đường lối chính trị có tính xuyên suốt và thống nhất như vậy, một hệ thống chính sách công quốc gia được vận hành theo đúng triết lí và tâm nhìn đó. Dễ dàng nhận thấy, ngoài các chính sách công đảm bảo là công cụ chuyên chính xã hội chủ nghĩa như: chính sách an ninh, chính sách đối nội, chính sách bang giao, chính sách quốc phòng,... thì phần lớn còn lại là hệ thống chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội<sup>1</sup>, bảo trợ xã hội, trợ cấp xã hội,... luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, coi trọng trong hoạch định và thực thi. Từ đây, hiệu quả của chúng vừa biểu hiện bản chất chính trị của Đảng, thuộc tính của Nhà nước và cả hệ thống chính trị Việt Nam, song vừa là sự điều hoà, dung dưỡng và củng cố niềm tin của toàn dân; do đó, làm sáng tỏ tính chính đáng trong thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng đối với chính sách công. Nhìn nhận một cách biện chứng, đó là: Niềm tin, sự kỳ vọng là căn cứ hình thành tính chính đáng của Đảng ta nói chung mà vai trò lãnh đạo chính sách công là biểu hiện sinh động, góp phần củng cố và tăng cường niềm tin và sự kỳ vọng ấy. Đền lượt mình, trên cơ sở ước nguyện và niềm tin ấy, với sợi chỉ đỏ xuyên suốt là “độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội”, với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, yêu cầu có tính nguyên tắc trong hoạch định và thực thi chính sách công “*nhận*

*thức đầy đủ và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội,... bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người* [12],... mà hình thành đặc trưng hệ thống chính sách công quốc gia. Từ đó, hệ thống chính sách này vận hành và mang lại hiệu quả chính sách mà biểu hiện của nó là diện mạo đổi thay tích cực của các phương diện khác nhau của đời sống xã hội; đồng thời, trở về củng cố ngay chính tiền đề vững chắc nhất của tính chính đáng trong vai trò lãnh đạo của Đảng đối với chính sách công - niềm tin được gầy dựng ở nơi Nhân dân.

**Ba là**, trong tính chính đáng chính trị, chủ thể quyền lực phải tạo nên niềm tin, sự thừa nhận, phục tùng hoàn toàn tự nguyện của khách thể quyền lực, tức là tính chính đáng không thể có nếu dựa trên sự cưỡng ép và bạo lực. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào phẩm chất, uy tín, năng lực của đội ngũ nhân sự công; hiệu quả lãnh đạo, quản trị quốc gia,... của đảng chính trị cầm quyền và bộ máy giúp việc của nó, mà ở đó, hiệu quả của hệ thống chính sách công là biểu hiện sống động và rõ ràng hơn cả. Niềm tin tự nguyện của nhân dân vào vai trò lãnh đạo của đảng chính trị cầm quyền chỉ có thể được củng cố và duy trì khi đảng ấy có nhiều quyết sách chính trị đúng đắn, hợp lòng dân; nhà nước với tư cách là bộ máy hiện thực hoá các cam kết và quyết sách chính trị ấy để mang đến phúc lợi, hướng đến sự công bằng, dân chủ, nhân văn và vì các giá trị tiến bộ của xã hội hay không, có đấu tranh với các tiêu cực trong xã hội, hay ở quá trình tái phân phối thành tựu tăng trưởng cũng như trao cơ hội ngang nhau để thành viên trong xã hội được tiếp

<sup>1</sup> Trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (công bố vào lấy ý kiến nhân dân vào ngày 10/9/2020), lần đầu tiên, sau hơn 35 năm Đổi mới, Đảng ta đã có cách tiếp cận, tư duy mới và quyết tâm mới khi bàn về chính sách công nói chung và chính sách xã hội nói riêng. Trong Dự thảo, có 06 lần nhắc đến cụm từ “*chính sách xã hội*”, 03 lần dùng cụm từ “*phúc lợi xã hội*” và 02 lần dùng cụm từ “*an sinh xã hội*”. Đáng chú ý, trong 03 lần sử dụng “*phúc lợi xã hội*” có 01 lần đi kèm “*an sinh xã hội*”, 02 lần còn lại đều đứng riêng và được dùng với các từ, tính từ chỉ tính nhấn mạnh cao như “**chú trọng** phúc lợi xã hội”, “**nhất là** phúc lợi xã hội”. Phúc lợi

xã hội vốn là biểu hiện sự phát triển cao về chất của tầng/sản an sinh xã hội - vốn có nhiệm vụ thoả mãn nhu cầu tối thiểu (sản) về kinh tế tối thiểu và xã hội tối thiểu cho người dân. Với thành tựu toàn diện, thể và lực mới sau 35 năm Đổi mới, việc chuyển trọng tâm của hệ thống chính sách quốc gia sang mục tiêu mới - “tầng phúc lợi” cao, bền vững là quá trình có chủ đích của Đảng ta, phản ánh bản chất ưu việt, tốt đẹp và tính hợp thực tiễn trong lãnh đạo cách mạng nói chung và với chính sách công nói riêng của Đảng ta. Đây là cơ sở quan trọng củng cố tính “chính đáng chính trị” như đã bàn luận.

cận để phát triển toàn diện hay không? Ở Việt Nam, chẳng hạn, trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 vừa rồi, có thể thấy, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước bằng hệ thống chính sách hiệu quả, quyết liệt, kịp thời, sự phối hợp nhịp nhàng, có trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn dân với phương châm “chống dịch như chống giặc”, “sức khỏe của nhân dân là trên hết”, “không ai bị bỏ lại phía sau”,... tiếp tục là điểm cộng, là cơ sở gây dựng niềm tin mạnh mẽ, củng cố mối quan hệ tự thân ngày thêm chặt chẽ giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước và với hệ thống chính trị; tiếp tục khẳng định tính ưu việt của chế độ và sự hoạt động hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị Việt Nam. Ở đó, biểu hiện sinh động của nó là quá trình hoạch định, ban hành, tổ chức thực thi hệ thống chính sách quốc gia đủ mạnh, phù hợp, linh hoạt thích ứng trong bối cảnh quốc gia đối diện nguy cơ đại dịch; từ chính năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và ứng phó tình huống khủng hoảng, rủi ro và giải quyết tốt các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, phức tạp, khó đoán định (công phòng chống đại dịch COVID-19 vừa qua là một ví dụ điển hình). Tất cả cơ sở, là căn cứ thuyết phục tiếp tục khẳng định tính chính đáng về vai trò lãnh đạo của Đảng nói chung và thực hiện vai trò ấy đối với chính sách công nói riêng.

### 3. Kết luận

Chính sách công là một trong số các công cụ vĩ mô của Đảng và Nhà nước nhằm quản lý đời sống xã hội. Như đã đề cập, ở Việt Nam, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với quá trình vận hành trên thực tiễn của chính sách công là vấn đề quan trọng, tất yếu và có tính chính đáng. Vai trò này không chỉ góp phần giữ vững địa vị chính trị, pháp lý của Đảng trong tiến trình cách mạng mà còn là phương thức hiện thực hoá mục tiêu chính trị, phản ánh bản chất tốt đẹp của Đảng đối với nhân dân, dân tộc; đồng thời, thông qua tính hiệu quả và sự vận hành của quá trình xây dựng, thực thi chính sách công, gián tiếp làm bật nổi, tiếp tục khẳng định tính chính đáng của Đảng mà rộng hơn là cả sự vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta.

### Lời cảm ơn

Tôi chân thành biết ơn quý đồng nghiệp của Khoa Xã hội học và Phát triển (Học viện Chính trị khu vực II) đã đồng viên, giúp đỡ tôi hoàn thành bài nghiên cứu này; đồng thời, tôi cũng gửi lời cảm ơn đến quý Ban Biên tập chuyên san Chính sách và Quản lý (Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội), quý nhà khoa học đã đọc, phản biện và cho tôi có cơ hội được hoàn thiện, công bố công trình này.

### Tài liệu tham khảo

- [1] N. V. Quang, The Legitimacy of the Ruling Party, A Number of Theoretical and Practical Issues (in Vietnamese), Political Theory Publisher, Hanoi, 2015.
- [2] N. T. Thanh, Party Leader in Implementing Social Policy in the Doi Moi Period (in Vietnamese), National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [3] V. T. Lam, The Communist Party of Vietnam Leading the State and Society Is Indispensable, The e-Communist Magazine (in Vietnamese), <http://tapchimattran.vn/nghien-cuu/dang-cong-san-viet-nam-lanh-dao-nha-nuoc-va-xa-hoi-la-tat-yeu-khach-quan-36110.html>, 2020 (accessed on: May 25<sup>th</sup>, 2020).
- [4] National Assembly Website of Vietnam, History of Vietnam National Assembly, Volume 1 (1946-1960) (in Vietnamese), <http://quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=1047>, 2007 (accessed on: May 20<sup>th</sup>, 2020).
- [5] Communist Party of Vietnam, Document of the 6th Conference (2<sup>nd</sup>) of the 8<sup>th</sup> Central Committee (in Vietnamese), National Political Publishing House, Hanoi, 1999.
- [6] D. P. Hai, Overview of Public Policy (in Vietnamese), National Politics Publishing House, Hanoi, 2017.
- [7] H. C. Minh, Complete Set, Volume 10 (in Vietnamese), National Politics Publishing House, Hanoi, 2011.
- [8] Communist Party of Vietnam, Document of the XI National Congress of Delegates (in Vietnamese), National Politics Publishing House, Hanoi, 2016.
- [9] Le Huu Nghia, Constitution on the Leadership of the Communist Party of Vietnam, Online Newspaper of the Government, <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Vai-tro-lanh->

- dao-cua-Dang-la-hop-long-dan-hop-hien-hop-phap/165207.vgp, March 29<sup>th</sup>, 2013 (accessed on: May 14<sup>th</sup>, 2020).
- [10] H. C. Minh, Complete Set, Episode 7, National Politics Publishing House, Hanoi, 2009.
- [11] H. C. Minh, Testament of President Ho Chi Minh Corrected, Handwritten, 1968.
- [12] Communist Party of Vietnam, Draft Political Report of the 7<sup>th</sup> Party Central Committee at the XIII National Party Congress (Public Opinion Poll on September 10, 2020) (in Vietnamese), Hanoi, 2020.